

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Năm 2020

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ TPHCM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301986393
- Vốn điều lệ : 91.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 91.000.000.000 đồng
- Địa chỉ : 451/10 Tô Hiến Thành P14, Q10, TPHCM
- Số điện thoại : 08 38533496
- Số fax : 08 38533496
- Website: www.caupha.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): HFB

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển :
 - + Ngày thành lập : 02/6/2000.

Tiền thân Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh là Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 12/05/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV vào ngày 01/10/2010. Trước đó Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh được chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty Quản lý công trình cầu phà thành phố. Công ty Quản lý công trình cầu phà thành phố được thành lập theo Quyết định số 7656/QĐ-UB-KT ngày 15/12/1999 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trên cơ sở tách chức năng quản lý, duy tu cầu và chức năng quản lý vận hành phà từ Công ty Quản lý Công trình Giao thông Sài Gòn (được thành lập theo Quyết định số 6590/QĐ-UB-KT ngày 19/11/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố) - nay là Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn. Công ty Quản lý công trình cầu phà thành phố là công ty công ích trực thuộc Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ quản lý và duy tu hệ thống cầu – phà trên địa bàn thành phố theo phân cấp quản lý và thực hiện một số hoạt động sản xuất kinh doanh khác trong hoạt động xây dựng công trình giao thông và chính thức hoạt động từ ngày 02/06/2000.

- + Thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:
 - 02/06/2000 : Công Ty Quản Lý Công Trình Cầu Phà Thành Phố
 - 01/10/2010 : Công Ty TNHH MTV Công Trình Cầu phà TPHCM

- 04/05/2016 : Công Ty Cổ Phần Công Trình Cầu Phà TPHCM

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu : Duy tu, sửa chữa thường xuyên và đảm bảo an toàn hệ thống các công trình cầu, phà của thành phố Hồ Chí Minh. Quản lý và khai thác phục vụ hành khách qua phà, duy tu bờ kè, thi công lắp đặt công trình ngầm, công trình giao thông, bến bãi, công trình cấp thoát nước, công trình dân dụng và công nghiệp.

- Địa bàn kinh doanh : Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bến Tre, Đồng Tháp...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông và các bộ máy quản trị bao gồm : Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

1. Đại hội đồng cổ đông

2. Hội đồng quản trị

3. Ban kiểm soát

4. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc

5. Các phòng nghiệp vụ:

- Phòng Kinh doanh

- Phòng Kế toán tài chính

- Phòng Hành chính nhân sự

- Phòng Chất lượng và thiết bị

6. Các xí nghiệp trực thuộc : 9 xí nghiệp hạch toán phụ thuộc, báo sổ trực thuộc công ty

- Các công ty con, công ty liên kết: 01 công ty con.

Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Công trình Cầu Phà:

+ Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng); Trong đó công ty Cổ phần Công trình Cầu phà TP HCM góp 65% vốn.

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 03114571452 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 14/8/2017.

4. Định hướng phát triển:

1. Về sản phẩm và thị trường.

a. Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh để điều chỉnh cơ cấu doanh thu – lợi nhuận giữa các sản phẩm có doanh thu để giảm đến mức tối thiểu sự phụ thuộc vào sản phẩm dịch vụ công ích. Năm 2021, Xây dựng phương án dự phòng trong trường hợp thu hẹp thị trường công ích. Nghiên cứu tiếp cận các sản phẩm dịch vụ

công ích có liên quan đến công tác bảo trì các tuyến Metro của thành phố, các tuyến cao tốc trong khu vực để tham gia.

Tập trung cải tiến quy trình thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, tinh gọn để tạo thế mạnh cạnh tranh. Mở rộng thị trường bằng cách tham gia đấu thầu các gói thầu sản phẩm dịch vụ công ích các quận huyện và các lĩnh vực khác như cây xanh, thoát nước trên nguyên tắc hợp tác, liên danh, liên kết với các doanh nghiệp chuyên ngành khác. Phân đấu đến năm 2025, tham gia và trúng thầu

b. thực hiện một số gói sản phẩm dịch vụ công ích ở thị trường mới hoặc sản phẩm mới. Hợp tác với các tổ chức khoa học, công nghệ, các công ty nước ngoài thí điểm áp dụng công nghệ, vật liệu mới trong lĩnh vực duy tu, bảo trì, sửa chữa, thi công các công trình. Phân đấu đến năm 2025, có ít nhất 01 sản phẩm mới đưa vào áp dụng thí điểm và cơ bản hoàn thành các thủ tục pháp lý (quy trình, định mức, đơn giá.v.v) để ứng dụng cho công tác bảo trì, sửa chữa công trình trên địa bàn thành phố. Đầu tư các trang thiết bị máy móc phục vụ công tác duy tu, sửa chữa cầu.

c. Thi công xây dựng công trình:

- Giai đoạn 2021-2025: đủ năng lực kỹ thuật để thi công công trình giao thông cấp II giá trị trên 100 tỷ đồng; Đến năm 2025 doanh thu đạt trên 500 tỷ đồng/năm;

- Về sản phẩm xây dựng: Công trình giao thông, bờ kè, cầu cảng là các sản phẩm xây dựng chủ yếu được ưu tiên của công ty giai đoạn 2021-2025.

- Về thị trường: Ưu tiên tham gia dự thầu các dự án do Sở Giao thông vận tải, UBND Quận huyện trên địa bàn thành phố làm chủ đầu tư. Tiếp tục tạo điều kiện để các đơn vị mở rộng thị trường sang các tỉnh lân cận, các chủ đầu tư trong và ngoài nước.

d. Tiếp tục nghiên cứu, tham gia các dự án theo hình thức đối tác công - tư, các dự án có vốn góp của HFIC và các đối tác tin cậy; Nghiên cứu thị trường để phát triển lĩnh vực vật liệu xây dựng.

e. Tiếp tục nghiên cứu đầu tư xe máy- thiết bị phục vụ thi công để đảm bảo yêu cầu sản xuất. Xây dựng mô hình quản lý xe máy thiết bị để quản lý hiệu quả tài sản công ty.

2. Về tổ chức sản xuất: Trong giai đoạn 2021 – 2025 tiếp tục áp dụng mô hình tổ chức các xí nghiệp trực thuộc, các ban điều hành công trình cấp công ty và các công ty con thực hiện các gói thầu thi công công trình và sản phẩm dịch vụ công ích để tận dụng tối đa nguồn lực. Tiếp tục áp dụng mô hình khoán các chỉ tiêu kế hoạch và khoán trọn gói đối với các đơn vị trực thuộc.

3. Về tổ chức quản lý: Xây dựng hệ thống quản lý hiện đại, áp dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động của công ty. Tổ chức lại, tinh gọn bộ máy các phòng nghiệp vụ. Bằng mọi giải pháp đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

5. Các rủi ro:

5.1 Rủi ro về kinh tế.

Là một bộ phận của nền kinh tế, Công ty cổ phần Công trình Cầu phà Thành

phố Hồ Chí Minh cũng chịu tác động bởi những rủi ro mà các doanh nghiệp trong toàn bộ nền kinh tế phải đối mặt như sự biến động của kinh tế thế giới, sự ảnh hưởng của thu nhập, lạm phát của nền kinh tế quốc dân,...

Các sản phẩm kinh doanh (công ích, xây dựng công trình .v.v) của công ty phần lớn là các gói thầu sử dụng vốn ngân sách nhà nước, do đó, chủ trương và nguồn tài chính công ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu – lợi nhuận của doanh nghiệp.

5.2 Rủi ro pháp lý

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như của các doanh nghiệp khác. Đó là rủi ro pháp lý ở khía cạnh hệ thống, ảnh hưởng đến hầu hết các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Sự thay đổi này có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động của Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Trong đó nhiều chính sách mang tính đặc thù như các quy định về sản phẩm dịch vụ công ích, quy định chuyên ngành xây dựng, giao thông. Các sắc luật này sẽ tiếp tục được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Bất cứ sự nào cũng sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, Công ty sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

5.3 Rủi ro đặc thù

a. Rủi ro đặc thù trong hoạt động sản xuất

Hoạt động xây dựng, thi công công trình là một trong những hoạt động có rủi ro về tai nạn lao động. Sự cố có thể xảy ra bất cứ lúc nào nếu các quy trình, quy định về an toàn lao động – bảo hộ lao động không được thực hiện nghiêm túc hoặc do có sự bất cẩn của con người. Trong điều kiện đặc thù của các công trình giao thông (vừa thi công vừa đảm bảo giao thông) thì khả năng xảy ra sự cố càng lớn. Do đó, việc phân tích, quản lý rủi ro này bằng nhiều biện pháp trong đó có bảo hiểm cho hoạt động xây dựng và trách nhiệm đối với người thứ ba là điều bắt buộc.

b. Rủi ro từ các đối tác kinh doanh

Trong hoạt động kinh doanh sự ràng buộc giữa các chủ thể dân sự thông qua hợp đồng kinh tế. Tuy nhiên, vẫn có trường hợp đối tác kinh doanh/khách hàng không thực hiện đúng trách nhiệm đã cam kết vì nhiều lý do. Đây là rủi ro tiềm ẩn cần có sự quản lý như: tìm hiểu kỹ về thông tin khách hàng trước khi ký kết hợp đồng, nghiên cứu kỹ các điều khoản hợp đồng có sự trợ giúp của tư vấn pháp luật, trích lập dự phòng tài chính để kiểm soát các rủi ro này.

c. Rủi ro về sự biến động giá, lạm phát

Các hợp đồng thi công các gói thầu xây dựng công trình giao thông/hạ tầng kỹ thuật thường có thời gian dài. Các biến động về giá nguyên vật liệu, xăng dầu, năng

lượng đều có sự tác động lớn về giá thành/lợi nhuận của doanh nghiệp. Do đó việc lập kế hoạch chi tiết để thi công các gói thầu lớn có tính đến các rủi ro tiềm ẩn là một việc bắt buộc.

5.4 Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro hệ thống và rủi ro cá biệt như trên, Công ty cũng như các đơn vị kinh tế khác, sẽ chịu ảnh hưởng và bị tổn thất trong trường hợp xảy ra các rủi ro bất khả kháng như: thiên tai (bão, lụt, động đất,...), hỏa hoạn,...

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm :

(Số liệu căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020)

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
Tổng doanh thu	440.000.000.000	469.253.287.168	106,65%
Tổng chi phí	424.562.000.000	454.285.614.335	107,00%
Lợi nhuận trước thuế	15.438.000.000	14.967.672.833	96,95%
Lợi nhuận sau thuế	12.350.000.000	11.860.888.871	96,04%
Chi trả cổ tức	8.190.000.000 (9%)	9.100.000.000 (10%)	111,11%

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

- Doanh thu : Đạt 106,65% kế hoạch
- Lợi nhuận : Đạt 96,04% kế hoạch.
- Cổ tức : Đạt 111,11% kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

+ Hội đồng Quản trị :

- Ông Trần Minh Trung : Chủ tịch (15,81% vốn điều lệ)
Cá nhân sở hữu : 0,81% vốn điều lệ
Được HFIC ủy quyền : 15% vốn điều lệ
- Ông Lê Hữu Châu : Thành viên (20,21% vốn điều lệ)
Cá nhân sở hữu : 5,21% vốn điều lệ
Được HFIC ủy quyền : 15% vốn điều lệ

- Bà Tạ Thị Hồng Tâm : Thành viên (7,69% vốn điều lệ)
- Ông Trịnh Văn Khâm : Thành viên (4,98% vốn điều lệ)
- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh : Thành viên (10% vốn điều lệ)
- Được HFIC ủy quyền : 10% vốn điều lệ

+ Ban Tổng Giám đốc :

- Ông Lê Hữu Châu : Tổng Giám đốc
- Ông Vũ Tiến Đạt : Phó Tổng Giám đốc (1,02% vốn điều lệ)
- Ông Phạm Ngọc Thành : Phó Tổng Giám đốc (1,06% vốn điều lệ)

+ Ban Kiểm soát :

- Ông Lê Mạnh Thư : Trưởng ban (0,47% vốn điều lệ)
- Ông Nguyễn Quang Huy : Thành viên (0,6% vốn điều lệ)
- Ông Trần Thái Phương : Thành viên

- Số lượng cán bộ, nhân viên :

Tổng lao động đến 31/12/2020 : 294 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: không

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con:

Chỉ tiêu	2020	2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	31.219.477.368	18.061.277.865	72,85
Doanh thu thuần	20.975.040.800	25.520.305.071	(17,81)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	442.010.301	621.410.406	(28,87)
Lợi nhuận khác	(10.301)		
Lợi nhuận trước thuế	442.000.000	621.410.406	(28,87)
Lợi nhuận sau thuế	380.120.000	497.128.325	(23,54)

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2020	2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	414.369.910.422	381.829.657.620	8,52

Doanh thu thuần	467.582.143.471	406.796.282.837	14,94
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15.710.795.775	14.346.145.472	9,51
Lợi nhuận khác	(743.122.942)	(753.676.968)	(1,40)
Lợi nhuận trước thuế	14.967.672.833	13.592.468.504	10,12
Lợi nhuận sau thuế	11.860.888.871	10.838.274.803	9,44

- Các chỉ tiêu khác:

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2020	2019
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn		
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,20	1,22
+ Hệ số thanh toán nhanh		
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,89	1,00
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,75	0,73
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,01	2,73
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,13	1,07
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,03	0,03
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,11	0,11
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,03	0,03
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,03	0,04

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng cổ phần : 9.100.000

b) Cơ cấu cổ đông :

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu:

- + Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần : 4
- + Cổ đông nắm giữ dưới 5% vốn cổ phần : 287

Cơ cấu cổ đông theo tổ chức và cá nhân:

- + Cổ đông tổ chức : 1
- + Cổ đông cá nhân : 290

Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:

- + Cổ đông trong nước : 291
- + Cổ đông nước ngoài : 0

Cổ đông nhà nước và các cổ đông khác:

- + Cổ đông nhà nước : 1
- + Cổ đông khác : 290

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ : Không

e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm : 223.241.636.132 đồng

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức : không

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Điện năng tiêu thụ 2020: 119.198 kw

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này : không

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng :

Nguồn cung cấp nước : Công ty cổ phần cấp nước Phú Hòa Tân, lượng nước sử dụng 2020 : 1.275 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng : không

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường : Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường : Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động : 31/12/2020 là 294 người

Mức lương trung bình đối với người lao động : 12.440.925đ/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty chấp hành nghiêm túc pháp luật lao động và đảm bảo các quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể

- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm cho người lao động theo đúng quy định, tổng số tiền trích nộp bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) cho người lao động.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động năm 2020 theo thỏa ước lao động tập thể tại Trung tâm chẩn đoán y khoa Medic. Tổ chức cho người lao động tham quan nghỉ mát theo thỏa ước lao động tập thể với mức hỗ trợ 2.000.000 đồng/người. Phụ cấp bồi dưỡng độc hại được công ty thanh toán cho người lao động đúng quy định.

- Thực hiện giải quyết các chế độ ốm đau, thai sản, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, thăm hỏi, hiếu hỷ trợ cấp khó khăn. Chăm lo cho các cháu thiếu nhi là con của người lao động, tặng quà, trao học bổng cho các cháu nhân dịp ngày Quốc tế thiếu nhi, tham gia ủng hộ quỹ vì người nghèo.

- Thường xuyên cải thiện điều kiện làm việc và đảm bảo an toàn cho người lao động được quy định tại Điều 25 Thỏa ước lao động tập thể, cụ thể đầu tư thêm một số máy móc, trang thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh, trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, phổ biến các văn bản của nhà nước về pháp luật bảo hộ lao động, huấn luyện nghiệp vụ, kỹ năng thao tác đối với máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động. Xây dựng và ban hành Quy định về an toàn vệ sinh lao động. Quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn viên, trong quy định, quy chế đã phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của từng đối tượng tham gia công tác an toàn vệ sinh lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động :

- Công tác tuyển dụng, sàng lọc, luân chuyển, điều động nội bộ để phát huy hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực được Tổng Giám đốc công ty chú trọng trên cơ sở đề xuất của Trưởng đơn vị và trình độ tay nghề của người lao động.

- Công tác đào tạo: công ty đã tổ chức cho người lao động tham gia các lớp tập huấn, các lớp đào tạo nâng cao tay nghề, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kinh phí đào tạo được công ty hỗ trợ 100%, cụ thể:

+ 100% người lao động được tập huấn công tác an toàn vệ sinh lao động.

+ Tập huấn về công tác phòng cháy chữa cháy.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Đánh giá chung

- Năm 2020, mặc dù ảnh hưởng chung của nền kinh tế trong điều kiện dịch Covid – 19 diễn biến phức tạp, nhưng với nỗ lực của toàn thể lãnh đạo và người lao động, công ty đã cố gắng hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch và các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Bảo toàn và phát triển vốn doanh nghiệp. Đảm bảo quyền lợi cổ đông. Ổn định việc làm và thu nhập, tuân thủ pháp luật lao động, đảm bảo các quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động.

- Về hoạt động sản xuất kinh doanh: Công ty hoàn thành đúng các điều khoản hợp đồng với cơ quan đặt hàng với chất lượng và sự thỏa mãn khách hàng ngày càng được cải thiện. Các giải pháp nâng cao hiệu quả và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh từng bước mang lại những kết quả tích cực như, năng lực kỹ thuật thi công từng bước được nâng cao, thị trường được mở rộng, đa dạng hóa sản phẩm. Tiềm lực, tiềm năng phát triển của công ty là khả quan. Thương hiệu từng bước được gây dựng.

- Trong quản lý và điều hành doanh nghiệp: Hội đồng Quản trị, Ban điều hành thực hiện nhiều biện pháp tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động doanh nghiệp. Đảm bảo tính tuân thủ, tổ chức thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết Hội đồng thành quản trị và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông. Thể chế hóa, điều chỉnh, bổ sung các quy chế nội bộ đảm bảo tính minh bạch, tuân thủ quy định nhà nước trong quản lý. Hầu hết các phòng, ban, xí nghiệp theo đề án tái cơ cấu hoạt động hiệu quả. Đã tích cực xây dựng và tổ chức thực hiện phương án tái cơ cấu tổ chức và sản phẩm hoạt động các đơn vị phù hợp với mô hình doanh nghiệp mới.

b. Về tình hình kinh doanh các sản phẩm chủ yếu.

b.1 Sản phẩm dịch vụ công ích.

- Xét về chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
Doanh thu	136.532.000.000	151.245.955.814	110,78

Năm 2020 là năm thứ hai thực hiện 06 gói thầu sản phẩm dịch vụ công ích 03 năm 2019 – 2021 được ký kết giữa công ty và các cơ quan quản lý.

Về sản lượng thực hiện, công ty đã thực hiện đầy đủ, kịp thời, đảm bảo chất lượng các khối lượng cơ quan đặt hàng giao. Thực hiện cả khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng (gần 10% giá trị hợp đồng). Trong đó chủ yếu là công tác vệ sinh mặt đường/cầu bằng máy các cầu trên 32 tuyến đường (các cầu khác đã bàn giao công tác vệ sinh cho quận huyện). Do đó, vượt kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận năm 2020 tương ứng 9%. Với khối lượng công tác vệ sinh này, công ty đã đầu tư thêm 02 xe quét đường để cơ bản đáp ứng yêu cầu của chủ đầu tư.

Việc tổ chức thực hiện nội bộ: Từ 01/01/2020, công ty tăng cường 01 xí nghiệp công trình tham gia thực hiện công ích. Với 03 đơn vị thực hiện (Xí nghiệp Công trình 2, Xí nghiệp công trình 7 và Xí nghiệp công trình 8), công ty đã hoàn thành tốt các điều khoản hợp đồng của công ty và cơ quan đặt hàng, khả năng huy động và quản lý lực lượng lao động tốt hơn.

Tổng Giám đốc đã khoán quỹ lương và các khoản phải trả cho người lao động tại các xí nghiệp công ích. Qua đó, kiểm soát chi phí hoạt động công ích nhằm hạn chế phát sinh chi phí trong điều kiện chi phí công ích phát sinh tăng. Phương án này tiếp tục được điều chỉnh và áp dụng cho năm 2021.

Những mặt còn tồn tại: Còn ít áp dụng khoa học, công nghệ trong quá trình thực hiện. Giá thành sản phẩm, dịch vụ còn cao. Xe máy thiết bị phục vụ công tác duy tu còn thiếu, lạc hậu.

b.2 Hoạt động tư vấn xây dựng công trình và kiểm định cầu.

Hoạt động tư vấn, thi công xây dựng và kiểm định cầu được xác định là hoạt động kinh doanh chủ yếu, mũi nhọn của doanh nghiệp trong điều kiện hoạt động công ích đang bị thu hẹp.

- Xét về chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
Doanh thu	302.000.000.000	316.336.187.657	104,75

Tổng giá trị thực hiện tăng so với kế hoạch. Trong đó giá trị thực hiện của hợp đồng ký kết năm 2020 là 225 tỷ đồng

Việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty có nhiều chuyển biến tích cực. Năm 2020, công ty trúng thầu và thực hiện một số gói thầu lớn, mang tính chất quan trọng cấp bách và đã hoàn thành đúng yêu cầu của chủ đầu tư như: Cầu tạm An Phú Đông, cầu Kênh A (TP.HCM), Công viên Tết Mậu Thân (Mỹ Tho – Tiền Giang), Bến phà tạm Rạch Miễu (Bến Tre).v.v. Việc mở rộng thị trường sang các tỉnh lân cận phát triển thể hiện trên số lượng, giá trị các gói thầu công trình. Công ty đang thực hiện công trình ở các tỉnh : Đồng Tháp (5 công trình), Tiền Giang (4 công trình); An Giang (01 công trình); Long An (01 công trình); Bến Tre (8 công trình), Bà Rịa – Vũng tàu (01 công trình); Cần Thơ (01 công trình)

Hoạt động thi công xây dựng công trình năm 2020, mặc dù vượt chỉ tiêu doanh thu nhưng gặp nhiều khó khăn trong việc triển khai các gói thầu đã ký kết. Nhất là trong giai đoạn ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19.

- Công trình quan trọng đóng góp gần 20% doanh thu là Xây dựng cầu thép cầu An Phú Đông hoàn thành đúng tiến độ yêu cầu. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện gặp nhiều khó khăn vướng mắc và sự cố.

- Một số gói thầu vướng mắt bằng vẫn chưa được giải quyết như: Đường liên ấp 4-5, Kênh Trung ương, Kè kênh xóm củi, cầu Dân Sinh, Trung tâm y tế Tân Kiên, (Bình Chánh), cầu Cây Khô – Nhà Bè.

Việc áp dụng mô hình khoán chỉ tiêu, lợi nhuận tạo sự chủ động cho đơn vị

trong việc xây dựng kế hoạch và cân đối chi phí cho từng gói thầu. Từng bước được các chủ đầu tư ghi nhận. Hầu hết các gói thầu đều thi công đúng tiến độ, chất lượng được chủ đầu tư đánh giá cao.

- Những tồn tại:

+Với những nỗ lực trong thời gian qua, Công ty đã từng bước nâng cao năng lực kỹ thuật để tham gia các gói thầu lớn. Tuy nhiên, năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân lực .v.v còn thiếu so với mặt bằng chung trên thị trường và yêu cầu phát triển.

+Các sản phẩm thi công của công ty chủ yếu là cầu, đường, bờ kè, ngầm hóa hệ thống điện- viễn thông. Đây là các sản phẩm có nhiều đối thủ cạnh tranh, thị trường bão hòa. Đặc biệt là chưa tạo ra sản phẩm có thể mạnh riêng.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	2020	2019	Mức tăng	Tỷ lệ %
A. Tài sản ngắn hạn	374.493.509.627	340.033.132.163	34.460.377.464	10,13
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.944.136.090	56.937.656.564	(10.993.520.474)	(19,31)
Các khoản phải thu ngắn hạn	210.614.493.083	214.119.057.652	(3.504.564.569)	(1,64)
Hàng tồn kho	96.896.032.345	59.250.773.701	37.645.258.644	63,54
Tài sản ngắn hạn khác	21.038.848.109	9.725.644.246	11.313.203.863	116,32
B. Tài sản dài hạn	39.876.400.795	41.796.525.457	-1.920.124.662	(4,59)
Tài sản cố định	27.124.236.740	21.098.145.277	6.026.091.463	28,56
Tài sản dở dang dài hạn	4.586.954.545	9.882.662.638	(5.295.708.093)	(53,59)
Tài sản dài hạn khác	8.165.209.510	10.815.717.542	(2.650.508.032)	(24,51)
Tổng cộng tài sản	414.369.910.422	381.829.657.620	32.540.252.802	8,52

- Tài sản ngắn hạn tăng 34.460.377.464 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 10,13% chủ yếu là do tăng hàng tồn kho và tăng chi phí trả trước ngắn hạn.

- Tài sản dài hạn giảm 1.920.124.662 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm là 4,59% chủ yếu là tài sản dở dang dài hạn giảm là do chi phí đầu tư xây dựng trụ sở văn phòng tại địa chỉ 451/10 Tô Hiến Thành, phường 14, quận 10 được quyết toán và ghi nhận tăng tài sản cố định, Tài sản dài hạn khác giảm chủ yếu là do phân bổ lợi thế thương mại vào chi phí sản xuất kinh doanh năm 2020

- Hệ số doanh thu thuần trên tổng tài sản là 1,13 cứ 1đ tài sản tạo ra 1,13đ doanh thu tăng so với năm 2019. Hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản là 0,03 cứ 1đ tài sản mang về 0,03đ lợi nhuận bằng với năm 2019.

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	2020	2019	Mức tăng	Tỷ lệ %
C. Nợ phải trả	311.140.873.623	279.572.438.462	31.568.435.161	11,29
Nợ ngắn hạn	311.140.873.623	279.572.438.462	31.568.435.161	11,29
D. Vốn chủ sở hữu	103.229.036.799	102.257.219.158	971.817.641	0,95
Vốn chủ sở hữu	103.229.036.799	102.257.219.158	971.817.641	0,95
Tổng nguồn vốn	414.369.910.422	381.829.657.620	32.540.252.802	8,52

- Nợ phải trả tăng 31.568.435.151 đồng tương ứng với tỷ lệ 11,29%, chủ yếu là tăng khoản tiền khách hàng ứng trước và khoản phải trả khác.

- Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2020 đảm bảo khả năng thanh toán là 1,2 giảm so với năm 2019, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu vẫn đảm bảo là 3,01 tăng so với năm 2019

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý :

Năm 2020, Công ty tiếp tục thực hiện phương án khoán quỹ lương và các khoản phải trả cho người lao động toàn công ty:

- Khối văn phòng: khoán quỹ lương từng phòng nghiệp vụ trên cơ sở định biên lao động hiện hữu và quy chế trả lương do Hội đồng quản trị phê duyệt.

- Khối công ích: Khoán toàn bộ chi phí tiền lương và các khoản phải trả cho người lao động (BHXH, BHYT, bồi dưỡng độc hại, bảo hộ lao động, tiền ăn giữa ca, các khoản phụ cấp khác...) khối công ích trên cơ sở lao động định biên và chi phí nhân công xí nghiệp được hưởng.

- Khối công trình: Các đơn vị tự chi trả tiền lương và các khoản phải trả khác.

Với phương án khoán trên, công ty cố định và kiểm soát các chi phí liên quan đến việc sử dụng lao động không vượt dự toán chi do Hội đồng quản trị phê duyệt hàng năm.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục thực hiện, tạo ưu thế cạnh tranh đối với các sản phẩm, dịch vụ công ty có thể mạnh: sản phẩm dịch vụ công ích, thi công các công trình giao thông, các công trình hạ tầng kỹ thuật. Đây là nhóm sản phẩm, dịch vụ nền tảng mang tính chất quyết định trong hoạt động doanh nghiệp cần đầu tư mạnh mẽ về công nghệ, nhân lực, tạo thương hiệu và uy tín trên thị trường. Tập trung nâng cao năng lực để tham gia các gói thầu có quy mô lớn, cấp công trình cao.

- Sản phẩm dịch vụ công ích vẫn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động doanh nghiệp. Việc giữ vững thị trường bằng chất lượng, sự thỏa mãn khách hàng trong giai đoạn nhà nước áp dụng xã hội hóa sản phẩm dịch vụ công ích là nhiệm vụ hết

sức quan trọng trong điều kiện đấu thầu rộng rãi sản phẩm dịch vụ công ích. Tạo thế mạnh cạnh tranh bằng kinh nghiệm, chất lượng, công nghệ và giá thành. Tinh giảm, hợp lý hóa đội ngũ nhân lực thực hiện trên cơ sở bố trí ca, kíp cho phù hợp. Áp dụng tin học trong quản lý bằng các phần mềm chuyên ngành về quản lý cầu, đường. Tập trung mọi nguồn lực, giải pháp cụ thể để đạt kết quả cao nhất trong đấu thầu SPDVCI 2022-2024.

- Phát triển sản phẩm và mở rộng thị trường là nhiệm vụ chiến lược. Liên danh, liên kết để tiếp cận và xâm nhập các thị trường tiềm năng, mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh ra các tỉnh lân cận. Xem sản phẩm xây dựng công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật là sản phẩm kinh doanh chủ yếu. Tiếp tục hỗ trợ để các gói thầu do Công ty thực hiện đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và hiệu quả.

- Tiếp cận và tham gia vào một số hạng mục quản lý, bảo trì vận hành tuyến Metro thành phố.

- Lập kế hoạch sử dụng xe máy thiết bị trên cơ sở các trang thiết bị hiện có và các trang thiết bị cần bổ sung bằng nhiều hình thức (Đề xuất đầu tư mua sắm, thuê.v.v) để đáp ứng yêu cầu tối thiểu cho hoạt động sản xuất và đủ điều kiện để tham gia đấu thầu.

- Trình Hội đồng quản trị danh mục đề xuất đầu tư bổ sung các thiết bị tối thiểu để đảm bảo hoạt động sản xuất lĩnh vực Sản phẩm dịch vụ công ích cơ quan giao thầu tăng thêm các hạng mục quản lý, bảo trì (Xe quét đường, xe ben, xe tải cầu.v.v.)

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải)

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

a) Với vai trò là đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, Hội đồng quản trị đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, cùng với Ban điều hành chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết và các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra hàng năm.

b) Hàng năm, HĐQT đều xây dựng và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về chương trình công tác, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Hội đồng phụ trách và thực hiện công tác giám sát các mặt hoạt động của Công ty.

c) Hội đồng quản trị hoạt động tuân thủ theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị, và các quy chế quản lý nội bộ khác. Thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đến người lao động trong công ty, nhằm đảm bảo

cho Ban điều hành có cơ sở thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật.

d) Định kỳ hàng tháng và đột xuất, Hội đồng quản trị tổ chức họp để các thành viên HĐQT và BKS nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty và ban hành các Nghị quyết, quyết định chỉ đạo kịp thời trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Từ năm 2016-2020, HĐQT đã tổ chức 54 cuộc họp để xem xét, quyết định các vấn đề quản lý của công ty theo thẩm quyền của HĐQT và ban hành 170 văn bản.

e) Thường xuyên kiểm tra tình hình, đôn đốc công ty thực hiện các nghị quyết của HĐQT, phối hợp Ban điều hành kịp thời có các biện pháp phù hợp điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh, chấn chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các mặt quản lý trong công tác quản trị doanh nghiệp.

g) Phối hợp Ban kiểm soát tăng cường thực hiện chức năng giám sát, quản lý, chỉ đạo công ty thực hiện các mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

h) Hoàn thành và đưa vào sử dụng trụ sở văn phòng làm việc của Công ty tại số 451/10, đường Tô Hiến Thành, P.14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

i) Triển khai chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2019-2021, Công ty đã điều chỉnh, bổ sung thêm một số ngành nghề kinh doanh để đa dạng hóa các hoạt động sản xuất kinh doanh có tiềm năng của công ty.

- Công ty chấp hành nghiêm túc pháp luật lao động và đảm bảo các quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể. Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm cho người lao động theo đúng quy định, trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, tổ chức tham quan, nghỉ mát cho người lao động...

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

a) Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã chủ động và nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua, trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, vượt qua khó khăn để phát triển, mở rộng thị trường, tìm kiếm việc làm cho công ty, đảm bảo tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.

b) Thực hiện quy định của pháp luật, Điều lệ và nghị quyết của HĐQT, tiếp thu và triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp theo chỉ đạo của HĐQT và các đề xuất của Ban kiểm soát. Tình hình tài chính được kiểm soát tốt. Vốn nhà nước và vốn góp của cổ đông được bảo toàn.

c) HĐQT luôn theo dõi sát sao hoạt động chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Tổng giám đốc theo thẩm quyền được giao theo Điều lệ và quy chế làm việc của HĐQT.

d) Qua công tác kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh của công ty và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, hạn chế các

sai sót, rủi ro.

e) Yêu cầu Tổng Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo định kỳ hàng tháng cho HĐQT về các lĩnh vực hoạt động của Công ty, để HĐQT nghị quyết định hướng nhằm từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động ở từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1 Kế hoạch của năm 2021

Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Tỷ lệ TH/KH
Tổng doanh thu	469.253.287.168	435.164.000.000	93%
Tổng chi phí	454.285.614.335	419.855.000.000	92%
Lợi nhuận trước thuế	14.967.672.833	15.309.000.000	102%
Lợi nhuận sau thuế	11.860.888.871	12.247.000.000	103%
Chi trả cổ tức	9.100.000.000 (10%)	8.190.000.000 (9%)	90%

3.2 Về xây dựng định hướng phát triển của Công ty:

Kế thừa và phát huy những thành quả qua nhiều năm xây dựng và phát triển, đặc biệt trong giai đoạn chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty cổ phần (2016-2021); Hội đồng quản trị định hướng phát triển công ty và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2026 với mục tiêu “ Trở thành một nhà thầu quản lý, xây dựng chuyên nghiệp, uy tín, kinh nghiệm, đủ khả năng nhận thầu các công trình có quy mô lớn đòi hỏi kỹ thuật, mỹ thuật và chất lượng cao”, cụ thể:

1. Tiếp tục tập trung phát triển và mở rộng một số ngành nghề kinh doanh chính có nhiều tiềm năng và lợi thế bao gồm:

a) Giữ vững thị trường cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích: Quản lý, duy tu, bảo trì, sửa chữa công trình giao thông, duy tu, sửa chữa công trình đường thủy, công trình thủy lợi.

b) Xây dựng công trình giao thông (đường bộ, đường sắt, cầu, hầm, công trình đường thủy nội địa); Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp thoát nước, công trình ngầm, mặt bằng, bến bãi, bờ kè, công trình thủy lợi).

2. Phát triển quy mô, mở rộng thị trường, tạo thế mạnh cạnh tranh hoạt động sản xuất kinh doanh chính (xây dựng công trình giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật). Từng bước điều chỉnh cơ cấu sản phẩm, dịch vụ. Đầu tư phát triển sản phẩm chính, tạo sản phẩm mũi nhọn đi đầu về công nghệ. Trong đó, đầu tư phát triển các sản phẩm đặc thù áp dụng các công nghệ, vật liệu mới trong hoạt động xây dựng và

sửa chữa công trình giao thông. Tiếp cận và xâm nhập các thị trường tiềm năng, mở rộng hoạt động kinh doanh ra các tỉnh lân cận. Nâng cao tỷ trọng sản phẩm kinh doanh ngoài công ích từ 60% tổng doanh thu trở lên. Trong đó, sản phẩm xây dựng công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật là sản phẩm kinh doanh chủ yếu. Nâng cao năng lực kỹ thuật, năng lực cạnh tranh để có thể tham gia các gói thầu có quy mô và giá trị trên 100 tỷ đồng.

3. Phát triển sản phẩm, đa dạng hình thức kinh doanh: Hoạt động kiểm định cầu, cho thuê xe máy thiết bị, chuẩn bị mặt bằng, hoàn thiện công trình xây dựng, cung ứng và quản lý nguồn lao động, sản xuất cấu kiện cơ khí giao thông, cấu kiện bê tông đúc sẵn...

4. Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các chủ đầu tư, cơ quan ban ngành. Tăng cường hợp tác, liên doanh liên kết với các đối tác có năng lực, kinh nghiệm để cùng phát triển.

5. Chú trọng lực lượng lao động chất lượng cao, sắp xếp, tổ chức lại bộ máy tinh gọn, đào tạo mới và đào tạo lại đội ngũ lao động. Áp dụng công nghệ thông tin vào điều hành và quản lý hợp lý nhằm cải thiện môi trường làm việc để tăng năng suất lao động.

6. Hướng tới sự thu hút và tập trung các nguồn vốn xã hội: phát hành cổ phiếu ra công chúng, huy động nguồn vốn từ cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư bên ngoài, đảm bảo khai thác nguồn vốn nội bộ một cách hiệu quả.

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)

1. Hội đồng quản trị

2. Ban Kiểm soát

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán :Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính : www.caupha.com

Ngày 16 tháng 04 năm 2021

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Tổng Giám đốc



meu
meu
meu
LÊ HỮU CHÂU

Đính kèm báo cáo tài chính hợp nhất.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH & CÔNG TY CON**

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020
Đã được kiểm toán

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (028) 38.205.944 Fax: (028) 38.205.942 Website: www.aascs.com.vn Email: info@aascs.com.vn

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3 - 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	6 - 7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc CTCP Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh và Công ty con (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 6767/QĐ-UBND của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 04/05/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301986393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/09/2010, thay đổi lần thứ 06 ngày 04/05/2016.

Vốn điều lệ : 91.000.000.000 đồng. Bằng chữ: Chín mươi một tỷ đồng.

Trụ sở chính : 451/10 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, Tp.HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh: : Thi công xây dựng, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu, sửa chữa thường xuyên và đảm bảo an toàn hệ thống các công trình cầu phà của Thành phố Hồ Chí Minh theo phân cấp quản lý; Duy tu bờ kè; Quản lý, bảo dưỡng, chăm sóc công viên cây xanh;

Lĩnh vực thi công, sản xuất, lắp đặt: Thi công (đào, lắp đặt các công trình ngầm, công trình giao thông, bến bãi, các công trình cấp thoát nước, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp);

Dịch vụ giữ xe dưới dạp cầu trong hành lang quản lý;

Cho thuê xe máy thiết bị thi công công trình;

4. Mô hình hoạt động :

Công ty có 01 công ty con và các Xí nghiệp trực thuộc, trong đó:

+ Công ty con:

Đơn vị	Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Công trình Cầu Phà
Địa chỉ	: 451/10 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP.HCM
Tỷ lệ lợi ích	: 65%
Tỷ lệ quyền biểu quyết	: 65%

Các đơn vị trực thuộc

- Văn phòng
- Xí nghiệp Công trình giao thông 1
- Xí nghiệp Công trình giao thông 2
- Xí nghiệp Công trình giao thông 3
- Xí nghiệp Công trình giao thông 4
- Xí nghiệp Công trình giao thông 5
- Xí nghiệp Công trình giao thông 6
- Xí nghiệp Công trình giao thông 7
- Xí nghiệp Công trình giao thông 8
- Xí nghiệp Công trình giao thông 9

Hoạt động kinh doanh chính

- Quản lý chung
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 của Công ty được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Minh Trung	Chủ tịch	Ngày 02 tháng 08 năm 2018
Ông Lê Hữu Châu	Thành viên	Ngày 12 tháng 04 năm 2016
Bà Tạ Thị Hồng Tâm	Thành viên	Ngày 12 tháng 04 năm 2016
Ông Trịnh Văn Khâm	Thành viên	Ngày 12 tháng 04 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Thành viên	Ngày 24 tháng 04 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Hữu Châu	Tổng Giám đốc	Ngày 12 tháng 04 năm 2016
Ông Vũ Tiến Đạt	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 04 tháng 05 năm 2016
Ông Phạm Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 04 tháng 05 năm 2016

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Mạnh Thư	Trưởng ban	Ngày 12 tháng 04 năm 2016
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	Ngày 12 tháng 04 năm 2016
Ông Trần Thái Phương	Thành viên	Ngày 12 tháng 04 năm 2016

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất này;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Duyệt, ngày 10 tháng 03 năm 2021



Số : 274 /BCKT/TC/2021/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công Ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất được lập ngày 10/03/2021 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 Công ty Cổ Phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh và Công ty con bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 10/03/2021; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, trình bày từ trang 8 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán

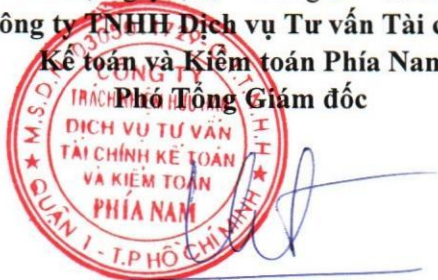
Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh và Công ty con cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP.HCM, Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Lê Đình Ái

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 3770-2018-142-1

Kiểm toán viên

A blue ink handwritten signature of Nguyễn Tuấn Đạt.

Nguyễn Tuấn Đạt

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 2669-2018-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		374.493.509.627	340.033.132.163
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	45.944.136.090	56.937.656.564
Tiền	111		45.944.136.090	56.937.656.564
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		210.614.493.083	214.119.057.652
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	179.101.563.448	191.510.627.647
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	18.569.045.716	11.792.899.555
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	20.796.208.791	18.323.796.980
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(7.852.324.872)	(7.508.266.530)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	96.896.032.345	59.250.773.701
Hàng tồn kho	141		96.896.032.345	59.250.773.701
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.038.848.109	9.725.644.246
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.1	12.157.559.754	3.702.583.738
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12	8.148.310.814	4.598.908.679
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	732.977.541	1.424.151.829
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.876.400.795	41.796.525.457
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		27.124.236.740	21.098.145.277
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	27.124.236.740	21.098.145.277
- Nguyên giá	222		73.764.146.263	66.075.522.977
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.639.909.523)	(44.977.377.700)
Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		173.100.000	213.100.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(173.100.000)	(213.100.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	4.586.954.545	9.882.662.638
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.586.954.545	9.882.662.638
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.165.209.510	10.815.717.542
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.2	8.135.840.170	10.763.165.183
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		29.369.340	52.552.359
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		414.369.910.422	381.829.657.620

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		311.140.873.623	279.572.438.462
I. Nợ ngắn hạn	310		311.140.873.623	279.572.438.462
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	150.257.980.113	106.809.557.085
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		56.451.848.387	77.477.982.304
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.511.596.828	3.138.491.222
Phải trả người lao động	314		12.721.250.998	7.004.829.359
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	55.195.973.181	46.879.229.767
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	36.505.288.756	39.596.326.082
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(1.503.064.640)	(1.333.977.357)
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		103.229.036.799	102.257.219.158
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	103.229.036.799	102.257.219.158
Vốn góp của chủ sở hữu	411		91.000.000.000	91.000.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		91.000.000.000	91.000.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	59.467.052
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.028.139.464	1.577.505.223
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.757.403.590	7.483.790.052
+ LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		259.266.481	959.078.363
+ LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.498.137.109	6.524.711.689
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.443.493.745	2.136.456.831
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.16	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		414.369.910.422	381.829.657.620

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng



Lê Nga Phương



TP.HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Lê Hữu Châu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	467.582.143.471	406.796.282.837
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		467.582.143.471	406.796.282.837
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	427.096.751.428	362.641.625.340
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.485.392.043	44.154.657.497
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.463.370.268	1.191.629.288
Chi phí tài chính	22	VI.4	1.767.004.650	673.811.787
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.767.004.650	623.811.787
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	24.470.961.886	30.326.329.526
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.710.795.775	14.346.145.472
Thu nhập khác	31	VI.6	207.773.429	152.702.912
Chi phí khác	32	VI.7	950.896.371	906.379.880
Lợi nhuận khác	40		(743.122.942)	(753.676.968)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.967.672.833	13.592.468.504
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3.100.600.943	2.748.010.682
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		6.183.019	6.183.019
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	60		11.860.888.871	10.838.274.803
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		11.727.846.871	10.664.279.889
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		133.042.000	173.994.914
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.289	935
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng

Lê Nga Phương



TP. HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc

Lê Hữu Châu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		14.967.672.833	13.592.468.504
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	02		5.405.069.682	5.618.456.960
- Các khoản dự phòng	03		344.058.342	5.289.102.316
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.562.615.256)	(1.676.007.687)
- Chi phí lãi vay	06		1.767.004.650	623.811.787
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20.921.190.251	23.447.831.880
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		123.143.217	(53.267.777.140)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(37.645.258.644)	3.018.239.397
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		28.681.525.512	40.586.547.932
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(5.827.651.003)	8.187.107.925
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.767.004.650)	(623.811.787)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(2.117.439.808)	(2.190.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.160.158.560	1.243.151.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.796.591.461)	(5.293.959.062)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.732.071.974	15.107.330.145
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.435.248.818)	(7.022.715.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		202.318.182	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	420.814.725
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.463.370.268	1.176.007.687
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.769.560.368)	(5.425.892.588)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	79.167.679.921	79.290.454.473
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(82.258.717.247)	(72.329.106.199)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.864.994.754)	(8.002.463.749)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.956.032.080)	(1.041.115.475)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(10.993.520.474)	8.640.322.082
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	56.937.656.564	48.297.334.482
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	45.944.136.090	56.937.656.564

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng



Lê Nga Phương



Lê Hữu Châu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 6767/QĐ-UBND của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 04/05/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301986393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/09/2010, thay đổi lần thứ 06 ngày 04/05/2016.

Vốn điều lệ : 91.000.000.000 đồng

Trụ sở chính : 451/10 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, Tp.HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh : Thi công xây dựng, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu, sửa chữa thường xuyên và đảm bảo an toàn hệ thống các công trình cầu phà của Thành phố Hồ Chí Minh theo phân cấp quản lý; Duy tu bờ kè; Quản lý, bảo dưỡng, chăm sóc công viên cây xanh;

Lĩnh vực thi công, sản xuất, lắp đặt: Thi công (đào, lấp đặt các công trình ngầm, công trình giao thông, bến bãi, các công trình cấp thoát nước, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp);

Dịch vụ giữ xe dưới dạp cầu trong hành lang quản lý;

Cho thuê xe máy thiết bị thi công công trình

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp : Bao gồm 01 Công ty con và 9 Xí nghiệp trực thuộc

a. Công ty con hợp nhất :

Công ty con : Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Công trình Cầu Phà

Địa chỉ : Số 451/10 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, TP. HCM

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 65 %

Tỷ lệ quyền biểu quyết : 65 %

b. Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Các đơn vị trực thuộc Hoạt động kinh doanh chính

- Văn phòng Công ty	: Quản lý chung
- Xí nghiệp Công trình giao thông 1	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 2	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 3	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 4	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 5	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 6	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 7	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 8	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 9	: Thi công công trình giao thông

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán đầu tiên của Công ty Cổ Phần Công Trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh sẽ bắt đầu từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016 khi chính thức được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần.

Kỳ kế toán các năm tiếp theo của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

Công ty áp dụng Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính ban hành hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Cơ sở hợp nhất

a. Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của Công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt, trong đó:

+ Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Công trình Cầu Phà được thành lập theo Nghị quyết số 45/NQ-CTCP-HDQT ký ngày 03 tháng 07 năm 2016 do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314571452 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 14 tháng 08 năm 2017. Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ sẽ được hợp nhất kể từ ngày 14/08/2017.

b. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến quyền mất kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập Đoàn trong tài sản thuần của Công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại Công ty con được ghi vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

c. Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các khoản mục vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

d. Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

e. Hợp nhất kinh doanh



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát chuyển giao cho Tập đoàn. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

f. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị thu hồi khi Ban điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hoá thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xoá sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 20 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Các tài sản khác	03 năm

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

+ Phần mềm kế toán:

Giá trị phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

5. Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

d. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3

<u>Công ty</u>	<u>Quan hệ</u>
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TPHCM (HFIC)	Cổ đông lớn 40%

15. Báo cáo bộ phận

Hiện tại hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào hoạt động xây dựng, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Ban Tổng Giám đốc cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

16. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT:

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	357.177.314	197.607.522
Văn phòng Công ty	52.780.535	19.343.314
Các Xí nghiệp trực thuộc Công ty con	3.067.153	4.323.936
Công ty con	301.329.626	173.940.272
- Tiền gửi ngân hàng	45.586.958.776	56.740.049.042
Văn phòng Công ty	37.834.164.655	53.781.648.840
Các Xí nghiệp trực thuộc Công ty con	2.208.751.409	2.607.446.697
Công ty con	5.544.042.712	350.953.505
Cộng	45.944.136.090	56.937.656.564

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

2.1. Ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Công ty mẹ	164.914.819.338	183.822.588.779
- Khu quản lý Giao thông Đô thị Số 1	8.300.005.490	13.673.025.664
- Khu quản lý Giao thông Đô thị Số 2	14.641.105.502	23.584.115.648
- Khu quản lý Giao thông Đô thị Số 3	5.091.202.269	9.841.205.151
- Khu quản lý Giao thông Đô thị Số 4	8.170.494.350	20.845.925.875
- Khu quản lý đường thủy nội địa	11.651.621.017	9.764.325.017
- BQL ĐTXD CT Huyện Nhà Bè	3.941.073.000	695.551.000
- BQL dự án lưới điện phân phối TPHCM	7.329.210.850	9.662.628.911
- BQL CT CC Huyện Tam Nông	344.906.000	344.906.000
- Trung tâm quản lý đường hầm Sông Sài Gòn	2.464.220.569	11.671.549.973
- Công ty TNHH Đầu tư Phước Kiếng	1.209.828.909	3.794.027.265
- CTCP tư vấn thiết kế Toàn Cầu	9.028.800.000	-
- BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông	18.599.199.969	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	74.143.151.413	79.945.328.275
b. Công ty con	14.186.744.110	7.688.038.868
- Công ty TNHH Đầu tư Phước Kiếng	761.218.634	2.222.887.800
- Công ty TNHH XD Bảo Nam Long	9.051.035.624	1.090.661.216
- Công ty TNHH XD Bách Khang	4.374.489.852	4.374.489.852
Cộng	<u>179.101.563.448</u>	<u>191.510.627.647</u>

2.2. Dài hạn

2.3. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
3.1. Trả trước cho người bán ngắn		
Văn phòng	939.391.500	330.149.000
- Cty TNHH MTV Đóng tàu và CN Hàng Hải Sài Gòn	116.235.000	116.235.000
- CTCP XNK TM DV Du Lịch Táo Đỏ	210.094.500	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	613.062.000	213.914.000
Xí nghiệp	16.565.682.424	10.207.424.119
- Xí nghiệp công trình 1	396.907.800	714.171.125
- Xí nghiệp công trình 2	308.013.377	318.947.700
- Xí nghiệp công trình 3	1.762.956.712	3.876.875.130
- Xí nghiệp công trình 4	6.032.124.833	571.152.801
- Xí nghiệp công trình 5	2.589.380.999	1.284.090.387
- Xí nghiệp công trình 6	527.700.896	1.101.604.294
- Xí nghiệp công trình 7	313.000	308.248.896
- Xí nghiệp công trình 8	361.194.407	-
- Xí nghiệp công trình 9	4.587.090.400	2.032.333.786
Công ty con	1.063.971.792	1.255.326.436
Cộng	<u>18.569.045.716</u>	<u>11.792.899.555</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
4.1. Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-	494.798.418	-
- Phải thu của người lao động	188.020.838	-	220.111.362	-
+ Các khoản trích theo lương	182.981.400	-	172.086.600	-
+ Thuế TNCN	5.039.438	-	48.024.762	-
+ Khác	-	-	-	-
- Tạm ứng	7.691.689.620	-	7.931.670.073	-
+ Văn phòng	47.536.000	-	563.797.232	-
+ Xí nghiệp trực thuộc	7.644.153.620	-	7.367.872.841	-
- Ký cược, ký quỹ	8.380.877.347	-	6.817.459.347	-
- Phải thu khác	4.535.620.986	-	2.859.757.780	-
Văn phòng	706.126.292	-	734.318.621	-
+ Phải thu về duy tu	4.187.273	-	24.187.273	-
+ XD trạm ép rác kín	695.548.719	-	693.593.810	-
+ Phải thu khác	6.390.300	-	16.537.538	-
Xí nghiệp	3.829.414.321	-	2.125.358.786	-
+ XN công trình 1	140.046.858	-	220.000.000	-
+ XN công trình 2	589.843.858	-	-	-
+ XN công trình 3	1.329.561.460	-	1.373.006.915	-
+ XN công trình 4	-	-	-	-
+ XN công trình 5	253.407.318	-	6.599.330	-
+ XN công trình 6	1.695.666	-	-	-
+ XN công trình 7	284.521.984	-	12.428.614	-
+ XN công trình 8	717.013.208	-	-	-
+ XN công trình 9	513.323.969	-	513.323.927	-
Công ty con	80.373	-	80.373	-
Cộng	20.796.208.791		18.323.796.980	

4.2. Dài hạn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

5 . DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán				
Cty CP ĐT & XD Số 17 Thăng Long	1.499.218.214	1.499.218.214	1.499.218.214	1.499.218.214
Cty CP Đầu tư Phát triển Sông Đà	337.118.000	337.118.000	337.118.000	337.118.000
Cty CP Đầu tư Phát triển Sông Đà	382.828.000	382.828.000	382.828.000	382.828.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Du lịch Công Lý	3.229.102.316	3.229.102.316	3.229.102.316	3.229.102.316
Công ty Cổ phần Đức Phan	2.060.000.000	2.060.000.000	2.060.000.000	2.060.000.000
Công ty Cổ phần Đức Phan	121.129.724	121.129.724		-
Công ty Cổ phần Đức Phan	222.928.618	222.928.618		-
Cộng	7.852.324.872	7.852.324.872	7.508.266.530	7.508.266.530

6 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên vật liệu	62.359.920.127		35.899.441.038	
- Công cụ, dụng cụ	3.061.228.081		5.603.481.134	
- Chi phí SXKDD	25.567.046.335		17.747.851.529	
- Hàng hóa	1.001.849.000		-	
- Hàng hóa gửi bán	4.905.988.802		-	
Cộng	96.896.032.345	-	59.250.773.701	-

7 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

7.1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

7.2. Xây dựng cơ bản dở dang

- Công trình xây dựng trụ sở làm việc

- Máy quét đường

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	-	9.882.662.638
	4.586.954.545	-
Cộng	4.586.954.545	9.882.662.638

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

8 .TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.249.881.529	5.142.295.063	58.913.931.113	769.415.272		66.075.522.977
- Mua trong năm	-	-	586.131.818	-	-	586.131.818
- Đầu tư XDCB hoàn thành	10.860.282.159	-	-	-	-	10.860.282.159
- Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	-
- Tăng do phân loại lại	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	-
- Giảm do thanh lý trong năm	49.500.000	105.902.000	3.539.513.691	62.875.000	-	3.757.790.691
Số dư cuối năm	12.060.663.688	5.036.393.063	55.960.549.240	706.540.272		73.764.146.263
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	627.378.263	4.461.543.284	39.120.497.053	767.959.100		44.977.377.700
- Khấu hao	501.372.036	217.875.634	4.684.365.840	1.456.172	-	5.405.069.682
- Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	-
- Giảm do góp	-	-	-	-	-	-
- Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	-
- Giảm do thanh lý trong năm	49.500.000	105.902.000	3.524.260.859	62.875.000	-	3.742.537.859
Số dư cuối năm	1.079.250.299	4.573.516.918	40.280.602.034	706.540.272		46.639.909.523
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	622.503.266	680.751.779	19.793.434.060	1.456.172	-	21.098.145.277
Tại ngày cuối năm	10.981.413.389	462.876.145	15.679.947.206	-	-	27.124.236.740



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

9 .TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	-	-	-	213.100.000		213.100.000
- Mua trong năm	-	-	-	-		-
Số dư cuối năm	-	-	-	213.100.000		213.100.000
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	-	213.100.000		213.100.000
- Khấu hao	-	-	-	-		-
Số dư cuối năm	-	-	-	213.100.000		213.100.000
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-		-
Tại ngày cuối năm	-	-	-	-		-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
10.1 Ngắn hạn		
a.Văn phòng	-	-
b. Xí nghiệp	12.157.559.754	3.702.583.738
+ Xí nghiệp công trình 2	1.097.545.457	1.155.345.457
+ Xí nghiệp công trình 4	6.270.318.220	1.278.634.048
+ Xí nghiệp công trình 5	-	185.172.998
+ Xí nghiệp công trình 6	1.200.000	3.250.000
+ Xí nghiệp công trình 7	584.459.348	53.751.814
+ Xí nghiệp công trình 8	3.687.202.851	766.319.300
+ Xí nghiệp công trình 9	516.833.878	260.110.121
Cộng	12.157.559.754	3.702.583.738
10.2 Dài hạn		
a.Văn phòng	8.135.840.170	10.763.165.183
+ Công cụ dụng cụ	158.447.190	-
+ Lợi thế kinh doanh (*)	7.838.715.707	9.406.458.849
+ Chi phí dạ cầu	-	831.796.045
+ Khác	138.677.273	524.910.289
b.Xí nghiệp	-	-
Cộng	8.135.840.170	10.763.165.183

(*) Giá trị lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo Quyết định số 6033/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về chấp nhận kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh và được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong thời gian 10 năm kể từ thời điểm cổ phần hóa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
11.1. Phải trả người bán ngắn hạn				
a. Văn phòng Công ty	17.268.543.598	17.268.543.598	20.045.922.822	20.045.922.822
CTCP Công trình Giao Thông Sài Gòn	4.814.966.548	4.814.966.548	13.777.476.154	13.777.476.154
Công ty TNHH ĐT XD & PT CTGT 6	46.522.300	46.522.300	46.522.300	46.522.300
CN Cty Sao Mai - Công ty TNHH MTV đóng tàu 76	-	-	53.672.000	53.672.000
- Cty TNHH TM DV Thi công XD cầu đường Hồng An	5.535.329.166	5.535.329.166	-	-
- CTCP Vận tải TM XD Công nghiệp Đức Long	3.526.600.000	3.526.600.000	-	-
Phải trả nhà cung cấp	3.345.125.584	3.345.125.584	6.168.252.368	6.168.252.368
b. Xí nghiệp	117.152.688.556	117.152.688.556	78.102.938.802	78.102.938.802
Xí nghiệp công trình 1	11.982.818.210	11.982.818.210	12.900.439.587	12.900.439.587
Xí nghiệp công trình 2	4.483.448.007	4.483.448.007	2.001.669.800	2.001.669.800
Xí nghiệp công trình 3	5.673.200.729	5.673.200.729	7.959.032.780	7.959.032.780
Xí nghiệp công trình 4	47.360.085.458	47.360.085.458	6.615.394.214	6.615.394.214
Xí nghiệp công trình 5	12.307.389.493	12.307.389.493	15.546.878.370	15.546.878.370
Xí nghiệp công trình 6	1.151.110.620	1.151.110.620	2.790.817.178	2.790.817.178
Xí nghiệp công trình 7	13.411.034.321	13.411.034.321	7.491.544.414	7.491.544.414
Xí nghiệp công trình 8	8.684.879.928	8.684.879.928	19.471.809.746	19.471.809.746
Xí nghiệp công trình 9	12.098.721.790	12.098.721.790	3.325.352.713	3.325.352.713
c. Công ty con	15.836.747.959	15.836.747.959	8.660.695.461	8.660.695.461
Cộng	150.257.980.113	150.257.980.113	106.809.557.085	106.809.557.085

11.2. Dài hạn

11.3. Số nợ quá hạn chưa thanh toán

11.4. Phải trả người bán là các bên liên quan

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Khoản mục	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	4.598.908.679	-	34.117.508.438	30.568.106.303	8.148.310.814	-
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	3.049.297.915	7.012.080.377	8.611.510.652	-	1.449.867.640
Thuế thu nhập doanh nghiệp						
+ Công ty mẹ	1.329.682.726	-	3.038.720.943	2.349.026.128	639.987.911	-
+ Công ty con	-	74.322.675	61.880.000	84.282.081	-	51.920.594
Thuế thu nhập cá nhân						
+ Công ty mẹ	94.469.103	-	377.179.476	375.700.003	92.989.630	-
+ Công ty con	-	14.870.632	23.393.919	28.455.957	-	9.808.594
Tiền thuế đất	-	-	789.545.541	789.545.541	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	5.011.000	5.011.000	-	-
Chi phí phạt khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	6.023.060.508	3.138.491.222	45.425.319.694	42.811.637.665	8.881.288.355	1.511.596.828

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

13 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
13.1. Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	49.444.780	6.201.860
- BHXH, BHYT, BHTN	-	-
- Phải trả về cổ phần hóa	-	499.427.637
- Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	-	-
- Phải trả ngắn hạn khác	48.416.946.841	45.196.718.710
Văn phòng	6.708.090.019	9.055.264.278
+ BDH cảng Bến Dầm	-	-
+ Phòng kinh doanh	765.436.930	1.345.121.292
+ Phòng kế hoạch đầu tư	-	-
+ Phải trả Phòng quản lý chất lượng	50.474.484	256.238.481
+ XN công trình 7 - Nguyễn Xuân Khoa	1.336.089.647	2.369.243.266
+ BDH sửa chữa cầu Long Kiểng H. Nhà Bè	-	154.099.448
+ Phải trả cổ tức cho cổ đông	4.078.730.495	4.009.902.999
+ Đoàn Thanh Niên	-	240.901.451
+ Khác	477.358.463	679.757.341
Xí nghiệp	41.708.856.822	36.141.454.432
+ Xí nghiệp công trình 1	15.787.054.141	13.708.586.952
+ Xí nghiệp công trình 2	4.590.152.047	4.265.018.074
+ Xí nghiệp công trình 3	633.120.095	146.576.638
+ Xí nghiệp công trình 4	2.269.526.718	2.596.636.610
+ Xí nghiệp công trình 5	383.189.614	362.598.416
+ Xí nghiệp công trình 6	5.314.851.000	1.230.611.455
+ Xí nghiệp công trình 7	2.762.867.415	672.051.707
+ Xí nghiệp công trình 8	5.645.755.836	5.808.917.499
+ Xí nghiệp công trình 9	4.322.339.956	7.350.457.081
Công ty con	6.729.581.560	1.176.881.560
Cộng	55.195.973.181	46.879.229.767

13.2. Dài hạn

13.3. Số nợ quá hạn chưa thanh toán



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

14 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

14.1. Ngắn hạn

	Số đầu năm		Phát sinh		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay tổ chức tín dụng	38.096.326.082	38.096.326.082	79.167.679.921	82.258.717.247	35.005.288.756	35.005.288.756
- Công ty mẹ						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TPHCM (i)	38.096.326.082	38.096.326.082	79.167.679.921	82.258.717.247	35.005.288.756	35.005.288.756
b. Vay cá nhân	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000
- Công ty con						
Ông Nguyễn Trọng Ngôn	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	39.596.326.082	39.596.326.082	79.167.679.921	82.258.717.247	36.505.288.756	36.505.288.756

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số HĐ vay	Ngày HĐ vay	Mục đích	Hạn mức	Lãi suất (/năm)	Số dư nợ tại ngày 31/12/2020	Hình thức đảm bảo khoản vay
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TPHCM						
- 01/2020/94435/HETD	28/08/2020	Bổ sung vốn lưu động	350.000.000.000	Theo giải ngân	35.005.288.756	Tin chấp
- 01/2020/94435/HETD-PL1	17/09/2020					
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bắc Sài Gòn						
- 54872.19.201.34849656.TD	10/01/2020	Bổ sung vốn lưu động	100.000.000.000	Theo giải ngân	-	Theo quy định của MB từng thời kỳ
Ông Nguyễn Trọng Ngôn		Bổ sung vốn lưu động			1.500.000.000	
Cộng					36.505.288.756	

14.2. Dài



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	LN sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	91.000.000.000	59.467.052	1.027.487.416	4.420.275.969	7.253.939.544	103.761.169.981
- Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	573.659.652	573.659.652
- Lợi nhuận năm nay	-	-	-	173.994.914	10.664.279.889	10.838.274.803
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	550.017.807	-	(550.017.807)	-
- Trích quỹ khen thưởng- phúc lợi	-	-	-	-	(2.200.071.226)	(2.200.071.226)
- Chia cổ tức đợt 2 năm 2018	-	-	-	-	(4.095.000.000)	(4.095.000.000)
- Tạm chia cổ tức năm 2019	-	-	-	-	(4.095.000.000)	(4.095.000.000)
- Giảm do hợp nhất	-	-	-	(2.457.814.052)	(68.000.000)	(2.525.814.052)
Số dư đầu năm nay	91.000.000.000	59.467.052	1.577.505.223	2.136.456.831	7.483.790.052	102.257.219.158
- Điều chỉnh tăng do hợp nhất	-	-	-	173.994.914	-	173.994.914
- Điều chỉnh giảm do hợp nhất	-	-	-	-	(190.994.914)	(190.994.914)
- Lợi nhuận năm nay	-	-	-	133.042.000	11.727.846.871	11.860.888.871
- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	450.634.241	-	(450.634.241)	-
- Trích quỹ khen thưởng- phúc lợi (*)	-	-	-	-	(2.160.158.560)	(2.160.158.560)
- Chia cổ tức đợt 2 năm 2019 (*)	-	-	-	-	(4.095.000.000)	(4.095.000.000)
- Tạm ứng cổ tức năm 2020 (**)	-	-	-	-	(4.095.000.000)	(4.095.000.000)
- Giảm khác	-	(59.467.052)	-	-	(462.445.618)	(521.912.670)
Số dư cuối năm	91.000.000.000	-	2.028.139.464	2.443.493.745	7.757.403.590	103.229.036.799

(*) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 72/NQ-CTCP-HĐQT ngày 16/07/2020 về việc chia cổ tức đợt 2 năm 2019.

(**) Theo Nghị quyết số 100/NQ-CTCP-HĐQT ngày 14/12/2020 về việc tạm ứng cổ tức năm 2020.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu"

	Tỷ lệ	Số lượng CP	Giá trị vốn
+ Cty Đầu Tư Tài Chính Nhà nước - HFIC	40,00%	3.640.000	36.400.000.000
+ Lê Hữu Châu	5,21%	474.000	4.740.000.000
+ Tạ Thị Hồng Tâm	7,69%	700.000	7.000.000.000
+ Huỳnh Bá Lâm	10,59%	963.900	9.639.000.000
+ Cổ đông khác	36,51%	3.322.100	33.221.000.000
Cộng	100,00%	9.100.000	91.000.000.000

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận"

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	91.000.000.000	91.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	91.000.000.000	91.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	8.190.000.000	8.190.000.000

c. Cổ phiếu"

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.100.000	9.100.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.100.000	9.100.000
+ Cổ phiếu phổ thông	9.100.000	9.100.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.100.000	9.100.000
+ Cổ phiếu phổ thông	9.100.000	9.100.000

d. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	9,0%	9,0%

16 . NGUỒN KINH PHÍ

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguồn kinh phí còn lại đầu năm		267.649.775
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm		251.526.975
- Chi sự nghiệp trong năm		(519.176.750)
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	-

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

17.1. Tài sản nhận giữ hộ

17.2. Ngoại tệ các loại

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
1.1. Doanh thu		
- Doanh thu công tác duy tu khoán	151.245.955.814	138.776.986.960
- Doanh thu xây dựng công trình, kiểm định tư vấn giám	316.281.187.657	260.839.724.604
- Doanh thu cho thuê xe máy	-	57.523.633
- Doanh thu dịch vụ	55.000.000	
- Doanh thu bán hàng hóa	-	7.122.047.640
Cộng	467.582.143.471	406.796.282.837

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn duy tu cầu	126.289.639.156	110.224.337.912
- Giá vốn xây dựng công trình, hoạt động kiểm định	300.807.112.272	245.554.178.429
- Giá vốn cho thuê xe máy	-	15.001.644
- Giá vốn hàng hóa	-	6.848.107.355
Cộng	427.096.751.428	362.641.625.340

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.463.370.268	1.101.894.530
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	13.378.399
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	76.356.359
Cộng	1.463.370.268	1.191.629.288

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	1.767.004.650	623.811.787
- Chi phí tài chính khác	-	50.000.000
Cộng	1.767.004.650	673.811.787

5. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, tài sản dài hạn	202.318.182	
- Thu tiền bồi thường sửa chữa cầu do va đụng	-	152.702.377
- Thu nhập từ bán hồ sơ thầu	5.454.546	-
- Thu nhập khác	701	535
Cộng	207.773.429	152.702.912

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại và chi phí thanh lý	103.073.194	-
- Chi phí khác	-	3.636.364
- Chi phí sửa chữa cầu do va đập	-	70.947.472
- Chi phí thanh lý dầm cầu	831.796.045	831.796.044
- Phạt chậm nộp	9.077.132	-
- Truy thu thuế GTGT	6.950.000	-
Cộng	950.896.371	906.379.880

7. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
7.1. Chi phí bán hàng		
7.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí công cụ, dụng cụ	359.113.736	116.423.636
- Chi phí đồ dùng văn phòng	33.782.096	338.218.909
- Chi phí nhân viên quản lý	13.221.228.732	13.161.248.039
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.726.008.562	2.596.043.955
- Thuế, phí, lệ phí	1.012.777.357	1.895.647.487
- Chi phí dự phòng	344.058.342	5.289.102.316
- Hoàn nhập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.595.407.591	6.035.829.600
- Chi phí khác bằng tiền	1.178.585.470	893.815.584
Cộng	24.470.961.886	30.326.329.526

8. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	11.727.846.871	10.664.279.889
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế (*)	-	2.160.158.560
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.100.000	9.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.289	935

(*) Hồi tố chi tiêu năm trước theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

Trong năm tài chính Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng:

Doanh nghiệp không phát sinh việc trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường :

Năm nay

79.167.679.921

Năm trước

79.290.454.473

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường :

82.258.717.247

72.329.106.199

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có

3. Thông tin về các bên liên quan có phát sinh giao dịch chủ yếu trong năm

3.1. Bên có liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. HCM (HFIC)

Cổ đông lớn 40%

3.2. Giao dịch với bên có liên quan

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau:

Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. HCM (HFIC)

Năm nay

Năm trước

Trả cổ tức

3.276.000.000

3.276.000.000

Phải thu phần vốn nhà nước khi cổ phần hoá

462.445.618

-

Các khoản phải nộp khác

85.667.612

-

- Tại ngày kết thúc niên độ 31/12/2020, công nợ giữa Công ty với các Bên có liên quan.

Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. HCM (HFIC)

Số cuối năm

Số đầu năm

+ Phải trả cổ tức

1.638.000.000

1.638.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

4. Quỹ lương thực hiện của Tổng giám đốc, thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương của Tổng Giám đốc	350.000.000	331.200.000
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	1.078.000.000	944.500.000
Cộng	1.428.000.000	1.275.700.000

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được trình bày trên là số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng



Lê Nga Phương

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Lê Hữu Châu